

Bản án số: 300/2024/DS-PT
Ngày: 15/4/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 689/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 806/2024/QĐPT - DS ngày 21 tháng 2 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa số 3182/2024/QĐPT - DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ: Số A P, phường B, Quận A, TP .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh T; ông Vương Quốc H; bà Võ Đình Thị Ánh T1 theo văn bản ủy quyền: số 068220.24 ngày 04/4/2024; Địa chỉ: Tầng F tòa nhà P, B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim N1 - sinh năm 1988

Địa chỉ: Số B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số B V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

2.2. Ông Bùi Hữu L - sinh năm 1982

Địa chỉ: Số F T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 117/4 L, tổ C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị Ngọc L1 - sinh năm 1961(có mặt)

3.2. Ông Vũ Thành A - sinh năm 1987(có mặt)

3.3. Ông Vũ Vương T2 - sinh năm 1982.(vắng mặt)

3.4. Bà Lê Thị Thanh T3 - sinh năm 1986.(vắng mặt)

3.5. Em Vũ Lê Kim N2 - sinh năm 2007.(vắng mặt)

3.6. Em Vũ Lê Thanh N3 - sinh năm 2013.(vắng mặt)

Em N2 và em N3 do ông T2, bà T3 là người đại diện theo pháp luật. Cùng địa chỉ: Số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa ngày hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (Gọi tắt Ngân hàng Q) do bà Lê Thị Thanh L2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 13/11/2020 Ngân hàng Q và bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Bùi Hữu L có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4244235.20. Ngân hàng Q cho bà N1, ông L vay số tiền 7.000.000.000 đồng. Mục đích vay mua bất động sản tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn vay 360 tháng, từ thời điểm giải ngân cho đến ngày 17/11/2050. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.1%/năm. Lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ bản cộng biên độ 3.5%/năm. Trả tiền gốc và tiền lãi vào ngày 15 hàng tháng. Mỗi tháng trả 19.445.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/12/2020. Ngày 16/11/2020 Ngân hàng Q giải ngân cho bà N1, ông L theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8000108.20 ngày 16/11/2020 với số tiền 7.000.000.000 đồng. Ngoài ra căn cứ đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 23/11/2020, Ngân hàng Q đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N1, hạn mức thẻ là 120.000.000 đồng. Lãi suất, phí theo bảng chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Q.

Ông L, bà N1 có thể chấp tài sản là nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 3), nhà đất trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc H00774 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 12/02/2007, được cập nhật biến động ngày 14/9/2020 cho ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Kim N1. Hợp đồng thế chấp được công chứng số 028042 do Văn phòng C công chứng ngày 16/11/2020. Tài sản trên được đăng ký giao dịch bảo đảm số 20528 ngày 17/11/2020 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T, Thành phố Hồ Chí

Minh. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N1, ông L đã thanh toán được số tiền 284.730.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 77.780.000 đồng, tiền lãi 206.950.000 đồng). Bà N1, ông L ngừng thanh toán nợ từ tháng 4/2020 là vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký. Vì vậy khoản vay chuyển thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/04/2021. Tính đến ngày 27/9/2023 bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Bùi Hữu L ngân hàng Q số tiền cụ thể:

* Hợp đồng tín dụng số 4244235.20

Nợ gốc: 6.922.220.000 đồng;

Nợ trong hạn: 2.061.708.774 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 974.303.631 đồng;

*Nợ thẻ tín dụng: 120.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 87.664.110 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 95.773.712 đồng.

Tổng cộng số tiền bà N1, ông L phải thanh toán cho ngân hàng là 10.261.670.227 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp đến hạn thanh toán nợ, bà N1, ông L không chịu thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên, Ngân hàng Q đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Ngân hàng Q đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, Nay Ngân hàng Q yêu cầu bà N1, ông L phải trả lại số tiền này.

Theo nội dung bản tự khai, tại buổi hòa giải và tại phiên Tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Thành A trình bày:

Năm 2008 mẹ ông là bà Vũ Thị Ngọc L1 có nhu cầu cần vốn làm ăn nên có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà và đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 1.900.000.000 đồng. Do dịch bệnh covid nên việc kinh doanh gặp khó khăn, đến thời hạn trả nợ, mẹ của ông không có khả năng thanh toán. Do đó ông Vũ Vương T2 (anh ruột) của ông có quen biết bà Nguyễn Thị Kim N1, bà N1 chủ động gặp gỡ và gợi ý cho gia đình ông muốn giúp đỡ để thanh toán khoản nợ là 2.064.000.000 đồng. Bà N1 yêu cầu với điều kiện gia đình phải ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên cho bà N1. Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên là giả tạo, ông ký với bà N1, ông L để làm tin, thực tế gia đình ông vay tiền của bà N1. Đồng thời hai bên có lập giấy viết tay bên ngoài để thỏa thuận bà N1 không được phép chuyển nhượng cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào đối với nhà đất nêu trên cho đến khi gia đình ông hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho bà N1. Do có sự tin tưởng bà N1 là hàng xóm nên ông cũng không còn lưu giữ giấy viết tay này.

Ngày 10/9/2020, ông đến Văn phòng C1, quận T để ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên với giá là 2.100.000.000 đồng. Cùng ngày Văn phòng công chứng bổ sung phụ lục hợp đồng với số tiền là 7.500.000.000 đồng. Ông không đồng ý nên hủy bỏ phụ lục này và không đồng ý ký tên. Bà N1 đã dùng lời lẽ lừa

đôi gia đình ông để ký Hợp đồng chuyển nhượng. Do ông thiếu hiểu biết về pháp luật cũng như có sự tin tưởng bà N1 vì là hàng xóm sinh sống gần nhà nhau rất nhiều năm. Ngày 11/9/2020 bà N1 có sử dụng tài sản của gia đình ông để thế chấp cho Ngân hàng Đ để vay số tiền 4.800.000.000 đồng. Ngày 15/09/2020 bà N1 đã được cập nhật sang tên. Trong thời gian từ ngày 10/09/2020 đến ngày 15/9/2020 mà bà N1 đã được cơ quan có thẩm quyền cập nhật bổ sung tên bà N1 trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T. Ông nhận thấy bà N1 làm những việc trên rất bất thường trong khoản thời gian ngắn bà N1 đã hoàn tất các thủ tục cập nhật bổ sung tên trên giấy chứng nhận. Tháng 3/2021 gia đình ông luôn bị những người lạ mặt đến nhà đe dọa và uy hiếp yêu cầu gia đình ông phải dọn đi nơi khác để bàn giao nhà, ngăn cản những thành viên trong nhà không được ra ngoài. Gia đình ông có báo chính quyền địa phương để can thiệp giải quyết. Gia đình ông đang bị bà N1 lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản của gia đình để vay tiền tại ngân hàng. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo các quyền lợi cho gia đình ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Bùi Hữu L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản tiền gồm:

*Hợp đồng tín dụng số 4244235.20:

Nợ gốc: 6.922.220.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 2.061.708.774 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 974.303.631 đồng.

* Hợp đồng thẻ tín dụng số 5130940000137330:

Nợ gốc: 120.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 87.664.110 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 95.773.712 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ là: 10.261.670.227 đồng.

Các khoản nợ lãi này tính đến ngày 27/09/2023.

Từ ngày 28/9/2023 bà N1, ông L phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 4244235.20 ngày 13/11/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8000108.20 ngày 16/11/2020; Thẻ tín dụng số 5130940000137330 ngày 23/11/2020, cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Sau khi bà N1, ông L thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, phía ngân hàng phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gốc số H00774 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2007, được cập nhật biến động ngày 14/9/2020 sang tên ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Kim N1 cho bà N1, ông L.

Trong trường hợp đến ngày Bản án có hiệu lực thi hành mà bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Bùi Hữu L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Bùi Hữu L và những người đang cư ngụ tại nhà đất địa chỉ số B P, phường T, quận T là bà Vũ Thị Ngọc L1, ông Vũ Thành A, ông Vũ Vương T2, bà Lê Thị Thanh T3, em Vũ Lê Kim N2, em Vũ Lê Thanh N3 (em N3, em N2 do bà T3, ông T2 là người đại diện theo pháp luật) phải bàn giao nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6213987.20.675 ngày 16/11/2020, được Văn phòng C, công chứng số 028042, ngày 16/11/2020, tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm số 20528 ngày 17/11/2020 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T, để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ nêu trên thì ông L, bà N3 phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Bùi Hữu L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ, là 5.000.000 đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự về thời hạn thanh toán.

Ngày 11/10/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L1 có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các bên vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án. Các đương sự đều không nộp thêm các chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã được giao nộp tại cấp sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L1.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L1 đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L1 kháng cáo một phần án dân sự sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết: Sửa bản án dân sự đã tuyên ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyên phát mãi tài sản đối với nhà đất tại B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng.

[3] Xét, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bà N1, ông L thanh toán các khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng số 4244235.20 ngày 13/11/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8000108.20 ngày 16/11/2020; Thẻ tín dụng số 5130940000137330 ngày 23/11/2020, tính đến ngày 27/09/2023, tổng cộng số tiền là 10.261.670.227 đồng. Trường hợp đến hạn thanh toán nợ, bà N1, ông L không chịu thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên, Ngân hàng Q đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Ngân hàng Q đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bà N1, ông L phải trả lại số tiền này.

[4] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L1 là không đồng ý bàn giao nhà đất đã thế chấp để phát mãi, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Vũ Thành A cho rằng ông ký hợp đồng mua bán nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T với ông L, bà N1 là để cho bà N1,

ông L vay tiền giúp gia đình ông, việc ký hợp đồng mua bán nhà là giả cách để làm tin cho việc gia đình ông vay tiền của bà N1 do đó đề nghị giải quyết theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6213987.20.675 ngày 16/11/2020, được Văn phòng C chứng thực ngày 16/11/2020, số 028042. Tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được đăng ký giao dịch bảo đảm số 20528 ngày 17/11/2020 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản trên đã được thế chấp để đảm bảo cho số nợ vay của bà N1, ông L. Hình thức Hợp đồng thế chấp được công chứng đúng theo quy định của pháp luật và tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó đến hạn thanh toán nợ mà bà N1, ông L không thanh toán đầy đủ, thì các ông bà: Bà N1, ông L và những người đang cư ngụ tại nhà đất địa chỉ số B P, phường T, quận T là bà Vũ Thị Ngọc L1, ông Vũ Thành A, ông Vũ Vương T2, bà Lê Thị Thanh T3, em Vũ Lê Kim N2, em Vũ Lê Thanh N3 (em N3, em N2 do bà T3, ông T2 là người đại diện hợp pháp) phải bàn giao nhà đất nêu trên để ngân hàng Q thực hiện quyền yêu cầu phát mãi tài sản thu hồi nợ. Căn cứ Điều 318, Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Q về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện, các đương sự không xuất trình được chứng cứ chứng minh nhờ là đã nhờ bà N3, ông L vay tiền và phía ông L, bà N3 không được thế chấp, mua bán, chuyển nhượng... đối với tài sản là nhà đất nêu trên, do đó không có căn cứ để xem xét. Trong trường có chứng cứ chứng minh lời trình bày trên là có cơ sở thì ông, bà được quyền khởi kiện, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm như sau:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập, đánh giá đầy đủ các chứng cứ liên quan đến vụ án và ra phán quyết có căn cứ đúng quy định pháp luật, người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là phù hợp theo quy định, những nội dung mà người kháng cáo nêu ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, nhận định tại bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo do đó đối với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên Tòa là giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của Ngân hàng Q được chấp nhận nên bà N3, ông L phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 10.261.670.227 đồng = 112.000.000 đồng + 0.1% (6.261.670.227 đồng) = 118.261.670 đồng. H1 lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng Q.

[9] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 593/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Bùi Hữu L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản tiền gồm:

*Hợp đồng tín dụng số 4244235.20:

Nợ gốc: 6.922.220.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 2.061.708.774 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 974.303.631 đồng.

* Hợp đồng thẻ tín dụng số 5130940000137330:

Nợ gốc: 120.000.000đồng;

Nợ lãi trong hạn: 87.664.110 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 95.773.712 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ là: 10.261.670.227đồng.

Các khoản nợ lãi này tính đến ngày 27/09/2023.

Từ ngày 28/9/2023 bà N1, ông L phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 4244235.20 ngày 13/11/2020; Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8000108.20 ngày 16/11/2020; Thẻ tín dụng số 5130940000137330 ngày 23/11/2020, cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Sau khi bà N1, ông L thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, phía ngân hàng phải trả lại bản chính Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ gốc số H00774 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2007, được cập nhật biến động ngày 14/9/2020 sang tên ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Kim N1 cho bà N1, ông L.

Trong trường hợp đến ngày Bản án có hiệu lực thi hành mà bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Bùi Hữu L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Bùi Hữu L và những người đang cư ngụ tại nhà đất địa chỉ số B P, phường T, quận T là bà Vũ Thị Ngọc L1, ông Vũ Thành A, ông Vũ Vương T2, bà Lê Thị Thanh T3, em Vũ Lê Kim N2, em Vũ Lê Thanh N3 (em N3, em N2 do bà T3, ông T2 là người đại diện theo pháp luật) phải bàn giao nhà đất tại địa chỉ số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6213987.20.675 ngày 16/11/2020, được Văn phòng C, công chứng số 028042, ngày 16/11/2020, tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm số 20528 ngày 17/11/2020 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T, để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ nêu trên thì ông L, bà N3 phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Bùi Hữu L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ, là 5.000.000 đồng.

Do yêu cầu của Ngân hàng Q được chấp nhận nên bà N1, ông L phải chịu án phí trên số tiền phải trả là $10.261.670.227 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + 0.1\% (6.261.670.227 \text{ đồng}) = 118.261.670 \text{ đồng}$. H1 lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng Q.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Vũ Thị Ngọc L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Thông báo số 1350/TB-TA ngày 16/3/2023 về việc miễn tạm ứng án phí phúc thẩm.

4. Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND quận Tân Phú, TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương